Chi tiết mã HS 1905.90.60

Mã HS	1905.90.60
Mô tả hàng hóa	Bánh mì, bánh bột nhào (pastry), bánh ga tô (cakes), bánh quy và các loại bánh khác, có hoặc không chứa ca cao; bánh thánh, vỏ viên nhộng dùng trong ngành dược, bánh xốp sealing wafers, bánh đa và các sản phẩm tương tự / - Loại khác: / - - Vỏ viên nhộng và sản phẩm tương tự dùng trong dược phẩm
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 00:50:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/19059060/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2456
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2456
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2456
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2459
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2420
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2420
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2420
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2420
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2420
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2420
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2458
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2458
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2458
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2458

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2458
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2458
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2460
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2460
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2460
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2460
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2460
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2460
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2462
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2426
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F2422
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G2422
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H2422
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I2422
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J2422
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K2422
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2422
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2422
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2422
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2422
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2422
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2422
VCFTA	2022	2022	2	VC!D2469
VCFTA	2023	2023	1	VC!E2469
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2469
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2469

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2469
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2469
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2462
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2462
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2462
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2462
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2462
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2462
AHKFTA	2022	2022	10	AKH!D2474
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E2474
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F2474
AHKFTA	2025	2025	10	AKH!G2474
AHKFTA	2026	2026	10	AKH!H2474
AHKFTA	2027	2027	10	AKH!I2474
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D2445
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E2445
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F2445
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2445
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2445
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2445
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D2447
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E2447
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F2447
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2447
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2447
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2447

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2441
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2441
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2441
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2441
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2441
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2441
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2441
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D2464
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E2464
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F2464
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G2464
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H2464
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I2464
RCEP B	2022	2022	9	B!D2464
RCEP B	2023	2023	8	B!E2464
RCEP B	2024	2024	7	B!F2464
RCEP B	2025	2025	6	B!G2464
RCEP B	2026	2026	5	B!H2464
RCEP B	2027	2027	4	B!I2464
RCEP C	2022	2022	9	C!D2464
RCEP C	2023	2023	8	C!E2464
RCEP C	2024	2024	7	C!F2464
RCEP C	2025	2025	6	C!G2464
RCEP C	2026	2026	5	C!H2464
RCEP C	2027	2027	4	C!I2464
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D2464

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E2464
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F2464
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G2464
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H2464
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I2464
RCEP E	2022	2022	9	E!D2467
RCEP E	2023	2023	8	E!E2467
RCEP E	2024	2024	7	E!F2467
RCEP E	2025	2025	6	E!G2467
RCEP E	2026	2026	5	E!H2467
RCEP E	2027	2027	4	E!I2467
RCEP F	2022	2022	9	F!D2464
RCEP F	2023	2023	8	F!E2464
RCEP F	2024	2024	7	F!F2464
RCEP F	2025	2025	6	F!G2464
RCEP F	2026	2026	5	F!H2464
RCEP F	2027	2027	4	F!I2464
VIFTA	2024	2024	6.7	VI!F2297
VIFTA	2025	2025	3.3	VI!G2297
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2297
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2297

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 10%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1905.90 có 9 dòng thuế; dòng 1905.90.60 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Vỏ viên nhộng và sản phẩm tương tự dùng trong dược phẩm.	1905.90.10 Bánh quy không ngọt dùng cho trẻ mọc răng hoặc thay răng; 1905.90.20 Bánh quy không ngọt khác; 1905.90.30 Bánh ga tô (cakes); 1905.90.40 Bánh bột nhào (pastry); 1905.90.50 Các loại bánh không bột; 1905.90.70 Bánh thánh, bánh xốp sealing wafers, bánh đa và các sản phẩm tương tự	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1905.90.60. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 1905.90.60 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2456), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.